

Số: 141 /QĐ-HV

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/04/2021 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 2581/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-BTTTT ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức;

Căn cứ Quyết định số 1274/QĐ-BTTTT ngày 30/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc giao dự toán kinh phí đào tạo cán bộ, học sinh Lào sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1635/QĐ-BTTTT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc giao số tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ kết quả thực hiện dự toán thu, chi nguồn ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế toán, Kế hoạch – Đầu tư và trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ TTTT (Vụ KHTC) (b/c);
- HĐHV; BGĐ HV (b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Đặng Hoài Bắc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)
 (kèm theo Quyết định số **141** /QĐ-HV ngày **13** tháng **01** năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	Số thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Số thực hiện năm 2024 so với năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.284.000.000	9.854.446.297	95,82	86,69
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.284.000.000	9.854.446.297	95,82	86,69
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	3.743.000.000	3.555.844.277	95,00	72,58
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.380.000.000	3.210.994.277	95,00	65,54
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	3.380.000.000	3.210.994.277	95,00	65,54
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	363.000.000	344.850.000	95,00	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.696.000.000	2.627.260.000	97,45	54,53
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.696.000.000	2.627.260.000	97,45	54,53
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				



M

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	Số thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Số thực hiện năm 2024 so với năm 2023 (tỷ lệ %)
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	600.000.000	570.000.000	95,00	190,00
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	600.000.000	570.000.000	95,00	190,00
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi tài chính và khác	3.245.000.000	3.101.342.020	95,57	229,73
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.245.000.000	3.101.342.020	95,57	229,73
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	Số thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Số thực hiện năm 2024 so với năm 2023 (tỷ lệ %)
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

VÀ
VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG

Ngày 13 tháng 01 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị



Dặng Hoài Bắc

BÁO CÁO CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU-CHI NSNN NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 141/QĐ-HV ngày 13/01/2025 của Giám đốc Học viện)

I. Tổng thu NSNN năm 2024: 10.284.000.000 đồng.

II. Tình hình thực hiện chi NSNN năm 2024:

Tổng kinh phí tiết kiệm theo Quyết định số 1635/QĐ-BTTTT là: 267.000.000 đồng.

Tổng kinh phí tiết kiệm sau khi hoàn thành nhiệm vụ là: 162.553.703 đồng.

Tổng chi NSNN năm 2024: 9.854.446.297 đồng, đạt 95,82% kế hoạch được giao, cụ thể:

1. Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: Loại 070

1.1. Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: Loại 070 - Khoản 081:

- Chi thực hiện chính sách miễn giảm học phí: 1.247.000.000 đồng.

- Chi thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập: 405.000.000 đồng.

- Chi thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên thuộc dân tộc thiểu số rất ít người: 38.100.000 đồng.

1.2. Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: Loại 070 - Khoản 083:

- Chi thực hiện nhiệm vụ Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2024: 937.160.000 đồng.

2. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Loại 100 – Khoản 101:

- Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ: 3.210.994.277 đồng.

- Chi thực hiện nhiệm vụ thuộc chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 thực hiện năm 2024: 344.850.000 đồng.

3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Loại 160 – Khoản 171:

- Chi thực hiện Thực hiện trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg: 570.000.000 đồng.

4. Chi tài chính và khác: Loại 400 – Khoản 402:

- Chi đào tạo Lưu học sinh Lào: 3.101.342.020 đồng.

